

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-05
Báo cáo kiểm toán	06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07-28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-28

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dân dụng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ./.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 53.562.130.000 VND (Năm mươi ba tỷ năm trăm sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tương đương 5.356.213 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	Số 105A, Đường Âu Cơ, Phường 14, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	Số 47/4, Đường Âu Cơ, Phường 9, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	Số 169/8, Đường Cách mạng tháng 8, Phường 7, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm thương mại - Alta Plaza	Số 91B2, Đường Phạm văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Số 91B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Lô số 14-16, Đường số 03, KCN Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Các công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An	Số 11, Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Ông Nguyễn Quang Khương	Giám đốc Kinh doanh
Bà Lê Thị Thiệt	Giám đốc Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Nhân sự

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Số: 118/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình được lập ngày 16 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2010

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Phó Tổng giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Vũ Xuân Biển
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		119.883.852.714	101.541.250.303
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.919.172.363	14.547.264.093
111	1 Tiền		22.919.172.363	14.547.264.093
112	2 Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17.058.160.000	11.208.160.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		17.058.160.000	11.208.160.000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		25.732.492.265	31.256.665.921
131	1 Phải thu của khách hàng		21.916.433.015	27.634.108.421
132	2 Trả trước cho người bán		3.692.910.325	1.954.573.446
135	5 Các khoản phải thu khác	5	1.123.520.721	2.728.282.897
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.000.371.796)	(1.060.298.843)
140	IV Hàng tồn kho		44.947.135.275	39.699.203.511
141	1 Hàng tồn kho	6	44.947.135.275	39.699.203.511
150	V Tài sản ngắn hạn khác		1.226.892.811	4.829.956.778
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		287.429.065	1.603.793.524
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		560.257.747	3.051.547.412
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	974.830
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		379.205.999	173.641.012
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		144.944.047.925	146.594.542.774
220	II Tài sản cố định		99.626.728.851	139.192.029.922
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	83.985.125.170	90.662.108.246
222	- Nguyên giá		138.462.905.155	138.574.202.821
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(54.477.779.985)	(47.912.094.575)
227	3 Tài sản cố định vô hình	8	13.002.679.681	9.616.864.414
228	- Nguyên giá		14.869.728.935	11.100.116.604
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.867.049.254)	(1.483.252.190)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.638.924.000	38.913.057.262
240	III Bất động sản đầu tư	10	37.238.354.772	-
241	- Nguyên giá		40.206.111.155	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.967.756.383)	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	5.449.283.048	4.840.739.200
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		5.326.953.848	4.700.000.000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	140.739.200
260	V Tài sản dài hạn khác		2.629.681.254	2.561.773.652
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	2.629.681.254	2.561.773.652
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		264.827.900.639	248.135.793.077

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		63.617.060.888	51.847.352.282
310	I Nợ ngắn hạn		63.596.564.488	51.847.352.282
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	13	38.003.294.861	22.093.936.557
312	2 Phải trả người bán		11.541.743.726	16.334.153.601
313	3 Người mua trả tiền trước		3.781.221.053	3.358.718.567
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	824.603.994	527.800.001
315	5 Phải trả người lao động		1.427.763.687	1.567.422.897
316	6 Chi phí phải trả	15	496.667.308	994.337.410
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	7.521.269.859	6.970.983.249
330	II Nợ dài hạn		20.496.400	-
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		20.496.400	-
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.385.154.257	196.288.440.795
410	I Vốn chủ sở hữu	17	200.931.186.214	195.702.637.301
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.130.000	49.339.050.000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.814.255.352
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		1.492.141.699	1.492.141.699
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(7.940.239.597)	(7.938.039.597)
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.170.389.113)	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		489.130.439	489.130.439
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		2.469.090.316	2.272.132.596
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.204.158.027	4.233.966.812
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		453.968.043	585.803.494
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		453.968.043	585.803.494
439	C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		(174.314.506)	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		264.827.900.639	248.135.793.077

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh****Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
4 Nợ khó đòi đã xử lý		497.634.867	273.235.832
5 Ngoại tệ các loại			
- USD		156.484,45	64.205,38
- EURO		528,42	538,68

*Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010***Người lập****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Hoàng Thị Mai Trâm****Nguyễn Thị Hồng Diệp****Hoàng Văn Điều**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	154.332.048.138	188.404.469.179
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		723.865.970	278.923.603
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		153.608.182.168	188.125.545.576
11	4 Giá vốn hàng bán	19	139.489.723.125	174.133.082.761
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.118.459.043	13.992.462.815
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	4.823.603.084	5.507.909.385
22	7 Chi phí tài chính	21	5.221.248.124	4.675.840.794
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.656.620.199	1.356.506.282
24	8 Chi phí bán hàng		1.271.548.704	844.361.780
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		3.745.588.561	4.200.895.280
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		8.703.676.738	9.779.274.346
31	11 Thu nhập khác		546.434.883	12.440.075.890
32	12 Chi phí khác		208.173.733	9.766.726.321
40	13 Lợi nhuận khác		338.261.150	2.673.349.569
45	14 Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		1.190.953.848	-
50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.232.891.736	12.452.623.915
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.261.261.867	1.695.132.307
60	18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.971.629.869	10.757.491.608
61	18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(174.314.506)	-
62	18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		9.145.944.375	10.757.491.608
70	19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	1.949	2.798

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Hoàng Văn Điều

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2009***Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1 Lợi nhuận trước thuế		10.232.891.736	12.452.623.915
02	Khấu hao tài sản cố định		14.735.661.701	12.094.491.053
03	Các khoản dự phòng		(59.927.047)	295.473.390
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		237.332.010	909.931.314
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(995.401.237)	(6.221.785.324)
06	Chi phí lãi vay		1.656.620.199	1.356.506.282
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.807.177.362	20.887.240.630
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		6.860.743.757	(11.939.479.547)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.247.931.764)	9.307.030.284
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.577.699.690)	3.900.705.220
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		1.249.343.399	(2.866.125.945)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.693.386.532)	(1.413.752.282)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.103.824.768)	(1.927.239.365)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.209.705.938	436.211.967
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.461.040.418)	(1.472.485.936)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		23.043.087.284	14.912.105.026
	II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(24.773.473.305)	(54.954.848.368)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		7.916.400.000	7.509.350.189
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(8.650.000.000)	(3.848.720.000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.800.000.000	19.270.000.000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.410.000	(4.700.000.000)
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.033.979.793	2.879.653.784
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.654.683.512)	(33.844.564.395)
	III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(7.899.089.597)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		73.966.142.912	56.196.683.412
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(58.056.784.608)	(43.497.645.068)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.876.924.000)	(7.607.202.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		14.032.434.304	(2.807.253.253)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		16.420.838.076	(21.739.712.622)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.547.264.093	36.216.953.623
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(48.929.806)	70.023.092
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	30.919.172.363	14.547.264.093

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Hoàng Văn Điều

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2009****1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tại thời điểm 31/12/2009, bao gồm:

- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương
- Trung tâm thương mại - Alta Plaza

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con tại thời điểm 31/12/2009, bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	100%	100%	Sản xuất, dịch vụ
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ

Các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 31/12/2009, bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An(*)	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(*) Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ./.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	48 năm

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong năm là: 0%.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; chi phí trước hoạt động
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí khác

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư thông qua đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh được hạch toán ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2009, Công ty đang được giảm 50% thuế TNDN với mức thuế suất áp dụng là 25%. Dự án nâng cao năng suất xưởng Bao bì nhựa được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông Tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

Thay đổi chính sách kế toán trong năm

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản mục tiền tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán trên tài khoản 413 - "Chênh lệch tỷ giá hối đoái". Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	12.029.682.421	2.052.230.100
Tiền gửi ngân hàng	10.889.489.942	12.495.033.993
Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
Cộng	30.919.172.363	14.547.264.093

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - SGD của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình căn cứ hai Thỏa thuận đầu tư linh hoạt giữa 2 bên.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	17.058.160.000	11.208.160.000
Cộng	17.058.160.000	11.208.160.000

(*) Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản cho tổ chức và cá nhân vay tiền, trong đó:

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyễn Xuân Sơn	400.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Bảo Thư	2.500.000.000	-
Phạm Ngọc Thư	1.750.000.000	1.750.000.000
Phạm Đức Minh	3.280.000.000	3.280.000.000
Lê Thị Hồng Châu	4.120.000.000	4.120.000.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Kinh Thương	2.358.160.000	1.358.160.000
Công ty TNHH SX-TM-DV Bách Hợp	2.500.000.000	-
Đào Thu Thủy	150.000.000	-
Cộng	17.058.160.000	11.208.160.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376.000.000	-
Phải thu về lãi vay của các đối tượng	379.359.100	496.390.000
Phải thu về thuế GTGT được hoàn	-	1.957.604.127
Phải thu khác	368.161.621	274.288.770
Cộng	1.123.520.721	2.728.282.897

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.678.362.971	22.138.473.511
Công cụ, dụng cụ	860.318.844	843.836.250
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.110.544.094	678.496.605
Thành phẩm	15.010.491.391	14.409.528.912
Hàng hoá	1.287.417.975	1.628.868.233
Cộng giá gốc hàng tồn kho	44.947.135.275	39.699.203.511

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	21.675.818.680	114.521.070.857	1.736.786.900	534.268.284	106.258.100	138.574.202.821
2. Số tăng trong năm	2.322.108.127	2.413.216.790	693.600.000	22.791.058	62.039.609	5.513.755.584
- Mua sắm mới	-	2.413.216.790	693.600.000	22.791.058	62.039.609	3.191.647.457
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.322.108.127	-	-	-	-	2.322.108.127
3. Số giảm trong năm	269.200.000	5.196.572.965	17.019.048	142.261.237	-	5.625.053.250
- Chuyển sang BĐSĐT	-	712.338.661	-	-	-	712.338.661
- Thanh lý, nhượng bán	269.200.000	4.484.234.304	17.019.048	142.261.237	-	4.912.714.589
4. Số dư cuối năm	23.728.726.807	111.737.714.682	2.413.367.852	414.798.105	168.297.709	138.462.905.155
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	5.388.083.179	41.692.430.493	550.676.296	272.935.251	7.969.356	47.912.094.575
2. Số tăng trong năm	1.121.231.516	9.849.299.042	338.469.051	67.139.289	7.969.356	11.384.108.254
- Trích khấu hao	1.121.231.516	9.849.299.042	338.469.051	67.139.289	7.969.356	11.384.108.254
3. Số giảm trong năm	193.561.465	4.434.127.269	47.336.508	143.397.602	-	4.818.422.844
- Chuyển sang BĐSĐT	-	49.467.965	-	-	-	49.467.965
- Thanh lý, nhượng bán	193.561.465	4.384.659.304	47.336.508	143.397.602	-	4.768.954.879
4. Số dư cuối năm	6.315.753.230	47.107.602.266	841.808.839	196.676.938	15.938.712	54.477.779.985
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	16.287.735.501	72.828.640.364	1.186.110.604	261.333.033	98.288.744	90.662.108.246
2. Cuối năm	17.412.973.577	64.630.112.416	1.571.559.013	218.121.167	152.358.997	83.985.125.170

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.746.795.006 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	10.895.057.404	205.059.200	11.100.116.604
2. Số tăng trong năm	3.734.869.931	34.742.400	3.769.612.331
- Mua sắm mới	3.734.869.931	34.742.400	3.769.612.331
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	14.629.927.335	239.801.600	14.869.728.935
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	1.379.386.345	103.865.845	1.483.252.190
2. Số tăng trong năm	352.147.972	31.649.092	383.797.064
- Trích khấu hao	352.147.972	31.649.092	383.797.064
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.731.534.317	135.514.937	1.867.049.254
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	9.515.671.059	101.193.355	9.616.864.414
2. Cuối năm	12.898.393.018	104.286.663	13.002.679.681

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.179.330.000	38.368.986.123
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	817.409.660	38.251.713.396
- Dự án Cao ốc Văn phòng	1.156.943.952	117.272.727
- Dự án Xưởng Đan - Việt	204.976.388	-
Mua sắm tài sản cố định	234.180.000	234.180.000
- Chuyển giao thương quyền (thương hiệu Quaker)	234.180.000	234.180.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	225.414.000	309.891.139
- Nâng cấp TSCĐ (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	225.414.000	294.891.139
- Sửa chữa TSCĐ (Xí nghiệp In bao bì)	-	15.000.000
Cộng	2.638.924.000	38.913.057.262

10 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm
I. Nguyên giá	-	40.206.111.155	-	40.206.111.155
Cơ sở hạ tầng	-	40.206.111.155	-	40.206.111.155
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	-	2.967.756.383	-	2.967.756.383
Cơ sở hạ tầng	-	2.967.756.383	-	2.967.756.383
III. Giá trị còn lại	-	37.238.354.772	-	37.238.354.772
Cơ sở hạ tầng	-	37.238.354.772	-	37.238.354.772

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	5.326.953.848	4.700.000.000
- Công ty Cổ phần In Thương mại		
- Quảng cáo Âu Lạc	5.326.953.848	4.700.000.000
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	140.739.200
Cộng	5.449.283.048	4.840.739.200

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2009 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo
Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Điều chỉnh lũy kế đến ngày 31/12/2009	Lãi trong năm	
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4.700.000.000	626.953.848	2.533.944.359	

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Công ty Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	81.239.200
Đầu tư cổ phiếu Công ty Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
Cộng	122.329.200	140.739.200

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	44.980.888	29.719.984
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	64.157.877	88.488.424
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (*)	1.034.059.104	1.070.081.218
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	818.028.348	1.277.487.536
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Ly giấy	41.147.568	-
Chi phí chờ phân bổ cho Dự án Thẻ Đan - Việt	120.055.260	-
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	16.529.511	95.996.490
Chi phí Bảng chỉ báo có gắn màn hình Diot phát quang	442.954.519	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	47.768.179	-
Cộng	2.629.681.254	2.561.773.652

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

(*) Chi tiết gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2009 là 958.420.569 VND;

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 75.638.535 VND

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	38.003.294.861	22.093.936.557
- Vay Ngân hàng TM Á Châu - SGD và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (*)	38.003.294.861	22.093.936.557
Cộng	38.003.294.861	22.093.936.557

Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 63423689 ngày 05/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch và Công ty CP Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định: Hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng; Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay của số tiền nhận nợ sẽ được ghi trên mỗi khế ước nhận nợ, tối đa không quá 09 tháng; Nợ gốc được hoàn trả nhiều lần; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, tiền lãi được trả hàng tháng.

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0188/TaB1/09LD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình với các điều khoản quy định: Hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng; Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn hiệu lực của hợp đồng đến hết ngày 12/8/2010, thời hạn vay được tính theo từng Giấy nhận nợ của từng lần rút vốn tối đa là 6 tháng, tổng thời hạn cho vay bằng thời hạn rút vốn cộng với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng; Lãi suất vay được thông báo tại thời điểm nhận nợ, lãi vay được tính và trả vào ngày 26 hàng tháng.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	2.411.206
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	5.959.770	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	790.018.148	467.390.288
Thuế Thu nhập cá nhân	28.626.076	57.998.507
Cộng	824.603.994	527.800.001

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Trích trước lãi vay phải trả	166.724.667	203.491.000
Trích trước tiền thuê mặt bằng	194.335.349	109.090.908
Trích trước tiền điện sản xuất, phí bảo hiểm tài sản	121.978.136	171.755.502
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	345.000.000
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	120.000.000
Trích trước chi phí đại tu sửa chữa tài sản cố định	-	45.000.000
Chi phí khác	13.629.156	
Cộng	496.667.308	994.337.410

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.732.320	58.274.293
Bảo hiểm xã hội	97.421.640	75.385.104
Bảo hiểm y tế	2.341.280	9.451.944
Phải trả, phải nộp khác	7.419.774.619	6.827.871.908
- <i>Phải trả ngân sách</i>	<i>5.867.788.813</i>	<i>5.932.456.813</i>
- <i>Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu</i>	<i>1.491.315.664</i>	<i>824.713.120</i>
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>60.670.142</i>	<i>70.701.975</i>
Cộng	7.521.269.859	6.970.983.249

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.951.250.000	145.814.255.352	5.007.654.192	(38.950.000)	1.316.055.862	1.887.533.829	6.946.885.877	-	200.884.685.112
Tăng vốn trong năm trước	9.387.800.000	-	-	-	-	-	-	-	9.387.800.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	10.757.491.608	-	10.757.491.608
Tăng khác	-	-	2.191.638.859	(7.899.089.597)	2.853.723.225	408.472.294	-	-	(2.445.255.219)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	5.707.151.352	-	3.680.648.648	23.873.527	13.470.410.673	-	22.882.084.200
Số dư cuối năm trước	49.339.050.000	145.814.255.352	1.492.141.699	(7.938.039.597)	489.130.439	2.272.132.596	4.233.966.812	-	195.702.637.301
Tăng vốn trong năm nay (*)	4.223.080.000	-	-	-	-	-	-	-	4.223.080.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	8.971.629.869	-	8.971.629.869
Tăng khác	-	10.909.091	-	(2.200.000)	-	537.874.580	-	-	546.583.671
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	340.916.860	7.001.438.654	1.170.389.113	8.512.744.627
Số dư cuối năm nay	53.562.130.000	145.825.164.443	1.492.141.699	(7.940.239.597)	489.130.439	2.469.090.316	6.204.158.027	(1.170.389.113)	200.931.186.214

(*) Giảm khác trong năm của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

- Trích cổ tức năm 2008 đợt 3 (4%):	1.876.924.000	VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính năm 2008:	537.874.580	VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2008:	537.874.580	VND
- Phân bổ Lợi ích cổ đông thiểu số trong năm 2009:	(174.314.506)	VND
- Tăng vốn bằng phát hành cổ phiếu	4.223.080.000	VND
Tổng	7.001.438.654	VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của Nhà nước	6.519.830.000	12,17%	5.981.500.000	12,12%
Vốn góp của đối tượng khác	47.042.300.000	87,83%	43.357.550.000	87,88%
Cộng	53.562.130.000	100,00%	49.339.050.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.130.000	49.339.050.000
- Vốn góp đầu năm	49.339.050.000	39.951.250.000
- Vốn góp tăng trong năm	4.223.080.000	9.387.800.000
- Vốn góp cuối năm	53.562.130.000	49.339.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.100.004.000	7.608.104.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.876.924.000	3.101.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	4.223.080.000	4.506.144.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông (*)	16%	-

(*)Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01-01/NQĐHCD/2009 ngày 26 tháng 03 năm 2009

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.213	4.933.905
- Cổ phiếu phổ thông	5.356.213	4.933.905
Số lượng cổ phiếu được mua lại	241.815	241.595
- Cổ phiếu phổ thông	241.815	241.595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.114.398	4.692.310
- Cổ phiếu phổ thông	5.114.398	4.692.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	489.130.439	489.130.439
Quỹ dự phòng tài chính	2.469.090.316	2.272.132.596
Cộng	2.958.220.755	2.761.263.035

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán hàng	130.940.659.646	177.861.967.122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.391.388.492	10.542.502.057
Cộng	154.332.048.138	188.404.469.179

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá	123.704.961.554	164.550.870.676
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.784.761.571	9.582.212.085
Cộng	139.489.723.125	174.133.082.761

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.170.184.651	3.761.443.495
Cổ tức, lợi nhuận được chia	565.712.000	4.050.700
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.087.706.433	1.685.056.644
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	57.358.546
Cộng	4.823.603.084	5.507.909.385

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền vay	1.656.620.199	1.356.506.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.327.295.915	2.352.044.652
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	237.332.010	967.289.860
Cộng	5.221.248.124	4.675.840.794

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.261.261.867	1.695.132.307
Cộng	1.261.261.867	1.695.132.307

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	9.145.944.375	10.757.491.608
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.145.944.375	10.757.491.608
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.692.310	3.844.338
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.949	2.798

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.528.993.096	128.655.473.349
Chi phí nhân công	12.020.108.814	12.274.761.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.735.661.701	12.094.491.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.691.783.769	8.505.466.114
Chi phí khác bằng tiền	2.961.007.197	3.992.840.007
Cộng	141.937.554.577	165.523.032.488

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	4.700.000.000
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.824.908.091	8.332.447.619
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	180.273.400	-
Cổ tức nhận được			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	564.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Phải thu			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	636.861.096	3.049.070.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Mai Trâm

Nguyễn Thị Hồng Diệp

Hoàng Văn Điều